QUAN HỆ VIỆT - ĐỨC: QUÁ KHỨ VÀ HIỆN TẠI

Phạm Quang Minh (*)

Việt Nam và Cộng hoà Liên bang Đức (CHLB Đức) xa cách nhau về mặt địa lý, khác biệt nhau về mặt chính trị, văn hoá-xã hội và càng cách biệt nhau về trình độ phát triển. Nhưng giữa hai nước lại có những điểm tương đồng về lịch sử: Cả hai nước cùng bị chia cắt trong thời gian chiến tranh lạnh và đều là những điểm nóng nhất trong thời kỳ đó. Cả Việt Nam và Đức đều đã được tái thống nhất, tuy vào những thời điểm khác nhau và với phương thức khác nhau. Mặc dù không có quá khứ thực dân trong khu vực như các nước Pháp, Anh, Mỹ... nhưng CHLB Đức lại có những mối liên hệ lịch sử khác, mà cơ sở của nó chính là việc Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (VNDCCH) trước đây và Cộng hòa Dân chủ Đức (CHDC Đức) đã thiết lập quan hệ ngoại giao 55 năm về trước. Không có một quốc gia nào ở Đông và Đông Nam Á lại có một nhiều người có thể hiểu, giao tiếp và hình dung về nước Đức xa xôi như ở Việt Nam. Ngày nay, khi nhìn nhận sự kiện này, một số học giả cho rằng đó không phải là những tiền đề tốt, mà thậm chí ngược lại, là một sự cản trở cho quan hệ giữa hai nước. Nhưng dù thế nào đi chăng nữa, một điểm chung mà nhiều người cùng nhất trí là mối quan hệ này cho đến nay vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và mong đợi của hai nước.

Mục đích chính của bài viết này là nhìn lại quan hệ giữa hai nước trong lịch sử hiện đại, đánh giá những cơ hội và thách thức và trên cơ sở đó đưa ra những khuyến nghị, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và CHLB Đức.

1. Quan hệ Việt - Đức trước năm 1990

Giai đoạn 1950 -1975

Không kể những quan hệ có tính chất cá nhân, đơn lẻ, có thể nói rằng quan hệ chính thức giữa Việt Nam và Đức chưa có một lịch sử lâu dài. Quả thực, vào năm 1866 một lãnh sự quán Đức đã được mở tại Sài Gòn. Nhưng do nước Pháp muốn bảo vệ quyền lợi thuộc địa của họ ở khu vực này, cho nên mối quan hệ mới manh nha đó không được duy trì và phát triển[3].

Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt mở ra giai đoạn mới trong quan hệ quốc tế hiện đại nói chung, trong quan hệ Việt-Đức nói riêng. Trong khi trên lãnh thổ nước Đức cũ hình thành 2 nhà nước Đức: CHLB Đức (23/5/1949) ở phía Tây và CHDC Đức (7/10/1949) ở phía Đông, thì trên lãnh thổ Việt Nam, thực dân Pháp đã quay trở lại, thực hiện âm mưu tái chiếm và chia cắt lâu dài Việt Nam, bất chấp việc nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và Mặt trận Việt Minh đã lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào ngày 2/9/1945.

Do những yếu tố khách quan của khu vực và thế giới và tình hình chính trị nội

(*) Khoa Quốc tế học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân Văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

tại của mỗi nước, quan hệ Việt - Đức giai đoạn này mang đậm dấu ấn của cuộc chiến tranh lạnh. Ngay sau khi ra đời được 4 tháng, CHDC Đức đã công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với VNDCCH vào ngày 3/2/1950. Sự kiện này có một ý nghĩa chính trị và ngoại giao quan trọng đối với VNDCCH, một nhà nước non trẻ vừa giành được độc lập, phải tiến hành cuộc chiến tranh tự vệ đơn độc trong vòng vây chống lại sức mạnh quân sự của nước Pháp thực dân. Trong khi đó, mãi đến ngày 25/4/1960, quan hệ ngoại giao chính thức giữa CHLB Đức và Việt Nam Cộng hoà[*] mới được thiết lập, năm 1955, mặc dù một đại diện thương mại của CHLB Đức đã được thiết lập ở Sài Gòn.

Trong thời gian bị chia cắt của nước Đức và Việt Nam, mối quan hệ giữa CHLB Đức và Việt Nam Cộng hoà phần lớn mang tính chất viện trợ nhân đạo và phi chính phủ. Các dự án của CHLB Đức tại miền Nam Việt Nam như viện Goethe, trung tâm đào tạo nghề ở Thủ Đức hay việc trợ giúp xây dựng khoa Y ở Huế, một lò sát sinh ở Sài Gòn là một số ví dụ tiêu biểu[1]. Đặc biệt, kể từ khi Đảng xã hội dân chủ (SPD) lên cầm quyền vào năm 1969, chính phủ CHLB Đức càng giữ khoảng cách trong quan hệ với chính quyền Sài Gòn. Tuyên bố của Thủ tướng Willy Brand trước quốc hội Đức ngày 28/10/1969 nhấn mạnh:

"Chúng ta đồng tình mong muốn với tất cả các nước và đặc biệt với những người đang bị chà đạp là chiến tranh Việt Nam sẽ được chấm dứt hoàn toàn thông qua một giải pháp chính trị mà các bên tham chiến có thể tham gia. Chúng ta khẳng định sự sẵn sàng tham gia vào việc tái thiết cả hai miền đất nước bị tàn phá"[2].

Ngược lại với sự giúp đỡ không đáng kể của CHLB Đức đối với Việt Nam Cộng hoà, sự ủng hộ của CHDC Đức đối với VNDCCH trong suốt thời gian chia cắt có một ý nghĩa cực kỳ to lớn. Từ cuối những năm 1950 cho đến cuối những năm 1970, CHDC Đức một mặt tích cực giúp VNDCCH trong việc xây dựng một số nhà máy cho nền công nghiệp non trẻ, mặt khác tăng cường đào tạo đội ngũ công nhân lành nghề và trí thức có trình độ cao. Tổng cộng cho đến khi chiến tranh chấm dứt, CHDC Đức đã đào tạo cho VNDCCH khoảng gần 15.000 công nhân học nghề và 5.000 người có trình độ đại học [3].

Giai đoạn 1975-1990

Khi chiến tranh Việt Nam kết thúc vào năm 1975, một nước Việt Nam thống nhất xã hội chủ nghĩa được thành lập - nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (CHXHCNVN), cũng là lúc mà CHDC Đức và nước Việt Nam phát triển những hình thức hợp tác mới với quy mô lớn hơn.

Những dự án lớn nhất mà CHDC Đức thực hiện ở Việt Nam những năm 1980 tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông nghiệp là thế mạnh của Việt Nam. Tại tỉnh Đắc Lắc đã hình thành Liên hiệp cà phê và cao su hiện đại vào bậc nhất Việt Nam trên diện tích rộng gần 20.000 héc-ta. Các dự án về nghiên cứu, bảo vệ và gây rừng cũng được đặc biệt quan tâm. Cho đến khi nước Đức thống nhất vào năm 1990, tổng cộng CHDC Đức đã giúp Việt Nam xây dựng hơn 150 nhà máy và xí nghiệp các loại, góp phần quan trọng vào sự phát triển của Việt Nam sau chiến tranh.

[*] VNCH được hành lập ngày 26/11/1955 thay cho Quốc gia Việt Nam của Bảo Đại

Hình thức hợp tác quan trọng khác mà Việt Nam và CHDC Đức thực hiện vào những năm 1980 là việc CHXHCNVN "xuất khẩu lao động" với một số lượng lớn sang CHDC Đức. Theo hiệp định được ký kết giữa hai chính phủ năm 1980, CHXHCNVN sẽ đưa khoảng 10.000 công nhân sang CHDC Đức làm việc vào các năm 1981 và 1982. Không dừng lại ở mức đó, một thoả thuận tiếp theo được ký kết giữa hai bên vào năm 1987, theo đó hàng năm CHDC Đức sẽ đón tiếp khoảng 25.000 "công nhân khách"/"công nhân khế ước" đến từ Việt Nam. Kết quả là trong vòng 10 năm kể từ năm 1981 đến năm 1990, số người Việt Nam ở Đức đã tăng gần 4 lần.

Bảng 1: Số người Việt Nam ở CHLB Đức

Năm	**1981**	**1982**	**1983**	**1984**	**1985**
Số người	17.606	22.115	24.611	26.923	29.551
Năm	**1986**	**1987**[2]	**1988**	**1989**	**1990**
Số người	31.179	27.168	28.450	33.381	45.779

Nguồn: Cục Thống kê Liên bang (Đức)

Ngược lại với CHDC Đức, CHLB Đức chỉ thiết lập quan hệ ngoại giao với CHXHCNVN từ tháng 9/1975. Mối quan hệ ngoại giao này trên thực tế đã bị "đóng băng" trong vòng 10 năm vì những khác biệt về hệ tư tưởng và vì vấn đề Campuchia[1]. Mãi đến năm 1986, khi Việt Nam tuyên bố thực hiện công cuộc đổi mới và khi tình hình thế giới có những biến chuyển quan trọng từ đối đầu sang hoà dịu, quan hệ giữa hai nước mới bắt đầu được cải thiện. Một số tổ chức nhân đạo, phi chính phủ, một số trường đại học trong đó có Passau, đã tiên đoán được xu hướng phát triển tích cực trong quan hệ giữa hai nước, nên đã mạnh dạn giúp đỡ và thiết lập quan hệ với các đối tác Việt Nam.

2. Quan hệ Việt - Đức từ năm 1990 đến nay

Sự kiện nước Đức tái thống nhất vào ngày 3/10/1990 đã có tác động không nhỏ đối với tình hình chính trị thế giới và châu Âu nói chung, quan hệ Đức-Việt nói riêng. Sự sụp đổ của bức tường Berlin làm cho nước Đức mạnh lên nhưng lại làm cho sự ủng hộ Việt Nam bị yếu đi. Các đối tác truyền thống trước đây của Việt Nam như Liên Xô và các nước Đông Âu đã giảm bớt sự hiện diện và ảnh hưởng của họ ở Việt Nam. Trong bối cảnh đó, chính sách đổi mới toàn diện mà Việt Nam thực hiện vừa là nhu cầu nội tại, đồng thời đáp ứng được xu thế chung của tình hình chính trị thế giới. Chính sách đó thực sự làm thay đổi nhận thức của CHLB Đức về một nước Việt Nam có nhiều triển vọng và tiềm năng thực sự hấp dẫn. Chính phủ của CHLB Đức thống nhất tuyên bố tiếp tục thực hiện

[2] Kết quả điều tra dân số năm 1987 trung bình thấp hơn 9,8% so với số liệu của Cục đăng ký nhân khẩu ngoại kiều ở Koeln. Vì lý do đó mà tổng số người Việt Nam năm 1987 thấp hơn 13% so với năm trước đó.

[1] Năm 1975, Việt Nam đã từ chối 89 triệu DM viện trợ phát triển của CHLB Đức. Sau đó, việc Việt Nam ký Hiệp định hữu nghị với Liên Xô tháng 11 năm 1978 và việc Việt Nam giúp Campuchia đã không được các nước phương Tây ủng hộ. Thay vào đó, chính phủ CHLB Đức tuyên bố ngưng các viện trợ phát triển cho Việt Nam, đồng thời tiếp nhận và trợ giúp cho hơn 30.000 "thuyền nhân" Việt Nam đến cư trú ở CHLB Đức.

các thoả thuận mà CHDC Đức đã ký với Việt Nam trước đây.

Quan hệ Việt Nam - CHLB Đức từ khi nước Đức thống nhất mối quan hệ này là lĩnh vực hợp tác phát triển mà cơ sở của nó là Hiệp định chính phủ về sự hợp tác kỹ thuật và tài chính ký ngày 21/11/1991. Cho đến nay, hai bên đã thoả thuận được ba lĩnh vực trọng tâm cho sự hợp tác phát triển. Một là, CHLB Đức hỗ trợ Việt Nam thực hiện chính sách đổi mới kinh tế, ủng hộ các doanh nghiệp vừa và nhỏ và đào tạo nghề. Hai là, CHLB Đức giúp Việt Nam trong việc bảo tồn và sử dụng một cách bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên. Ba là CHLB Đức và Việt Nam phối hợp chặt chẽ trong lĩnh vực y tế, sức khoẻ gia đình và ngăn ngừa HIV/AIDS [4].

Bảng 2: Mức độ hợp tác phát triển của Đức với VN 1998-2002

(đơn vị: *triệu Euro*)

Nội dung	1998	1999	2000	2001	2002
Tài trợ	36.6	33	15.8	23.7	17.39
Cho vay	12.7	23.6	3.8	1.7	13.47
Tổng	49.3	56.6	19.6	25.4	30.86

Có được mức độ hợp tác phát triển cao và nhanh như vậy là do CHLB Đức nói riêng, EU nói chung có định hướng rõ ràng trong chính sách hợp tác phát triển với Việt Nam. Để thực hiện chính sách này, một mạng lưới các tổ chức hợp tác phát triển hoạt động tích cực ở Việt Nam. Bên cạnh các tổ chức đại diện cho chính phủ Đức như GTZ, KfW, DED, inWent là sự có mặt của các quỹ của các đảng phái lớn như quỹ Konrad Adenauer Stiftung (KAS) của Liên minh dân chủ Thiên chúa giáo - CDU, quỹ Friedrich Ebert Stiftung (FES) của Đảng dân chủ tự do - SPD, các tổ chức nhân đạo hoặc tổ chức của các tiểu bang. Sự hoạt động đa dạng và rộng khắp của các tổ chức này đôi khi dẫn đến sự nhầm lẫn hoặc khó hiểu đối với các đối tác Việt Nam.

Trong lĩnh vực văn hoá-giáo dục, có hai sự kiện đáng được ghi nhận. Sự kiện quan trọng đầu tiên là việc khai trương Viện Goethe ở Hà Nội vào tháng 11/1997, mặc dù hiệp định về hợp tác văn hóa giữa hai chính phủ đã được ký kết từ tháng 5/1990. Sự kiện thứ hai là việc khánh thành Trung tâm Việt - Đức đặt tại trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Cả hai cơ quan này là nơi gặp gỡ, giao lưu, trao đổi, học hỏi giữa các nhà hoạt động văn hóa, khoa học nghệ thuật, các học giả, sinh viên và đông đảo các tầng lớp nhân dân. Các hoạt động đó đã góp phần thiết thực vào việc tăng cường mối quan hệ giữa nhân dân hai nước Đức và Việt Nam.

Trong lĩnh vực kinh tế, kim ngạch thương mại song phương đã được đẩy

[4] Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, European Union development cooperation activities in Vietnam, September 2002, tr 98

mạnh từ 40 triệu DM năm 1990 lên 284 triệu năm 1991. Sau ba năm, con số này đã là hơn 900 triệu DM. Mặc dù đã nhiều cố gắng, nhưng trong vòng 10 năm trở lại đây, kim ngạch thương mại giữa hai nước vẫn chưa tăng đáng kể. Bảng thống kê mức độ tăng trưởng trong buôn bán của Việt Nam với CHLB Đức ba năm gần đây cho thấy rõ điều đó.

Bảng 3: Kim ngạch ngoại thương Việt - Đức 2001 - 2003

(đơn vị: *triệu USD*)

	2001	2002	2003	% Tăng trưởng
Việt Nam xuất	721,7	720,7	815,4	13,14
Việt Nam nhập	395,0	558,3	584,3	4,65
Tổng kim ngạch	1.116,7	1.279,0	1.399,7	9,43
Việt Nam xuất siêu	326,7	162,4	231,1	

Nguồn: Bộ Ngoại giao Việt Nam

Ngay trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, một trong những thế mạnh của CHLB Đức, con số thống kê cho thấy mức độ mà các nhà đầu tư Đức dành cho Việt Nam cũng rất hạn chế. Nếu như năm 1995, mức độ đầu tư trực tiếp của Đức vào Việt Nam là gần 30 triệu USD, đứng vị trí 26, thì đến năm 2003 con số này đã tăng lên gần 400 triệu Euro, nhưng vị trí trong bảng xếp hạng các quốc gia đầu tư vào Việt Nam hầu như không được cải thiện.

3. Thách thức và triển vọng trong quan hệ Việt Nam - CHLB Đức

Thách thức thứ nhất trong quan hệ song phương Việt - Đức từ năm 1990 trở lại đây chính là vấn đề người Việt Nam cư trú ở CHLB Đức. Sự hấp dẫn của nền kinh tế đứng hàng thứ ba thế giới, sự tuyên truyền của hệ thống thông tin đại chúng hay những khó khăn về kinh tế ở Việt Nam đã làm cho dòng người Việt Nam đổ về Đức ngày một đông. Theo số liệu thống kê của Cục Thống kê Liên bang ở Wiesbaden, số người Việt Nam ở Đức đã tăng lên với tốc độ chóng mặt: từ 45.000 người năm 1990 lên 78.139 năm 1991, 85.656 năm 1992 và 95.542 vào năm 1993. Như vậy là số lượng người Việt Nam ở Đức đã tăng gấp đôi trong vòng ba năm kể từ khi nước Đức thống nhất.

Điều đáng nói là trong số khoảng 100.000 người Việt Nam ở Đức có tới 40.000 người không có giấy phép cư trú, đúng ra là đang chờ lệnh trục xuất. Nguy hiểm hơn, phần lớn trong số họ phải kiếm sống bằng mọi phương cách, miễn sao không bị trục xuất để có thể hoàn đủ số vốn đã bỏ ra khi rời Việt Nam sang Đức. Nhiều người trong số họ có nguyện vọng trở về Việt Nam, cho dù biết rằng, họ đã thua một "canh bạc" lớn. Nhưng sự việc không đơn giản như vậy, bởi vì họ không đủ khả năng hoàn tất những thủ tục hành chính của quá trình xuất nhập cảnh mà Việt Nam đề ra. Vấn đề 40.000 người Việt Nam cư trú bất hợp pháp ở Đức giữa những năm 1990 là đề tài thảo luận căng thẳng giữa hai chính phủ Việt - Đức, thậm chí chính phủ Đức đã đe doạ đình chỉ các hợp tác phát triển với Việt Nam, nếu Việt Nam không tiếp nhận 40.000 người này về nước.

Để giải quyết vấn đề này, chính phủ Việt Nam và CHLB Đức đã ký kết một thoả thuận tiếp nhận người Việt Nam hồi hương vào mùa hè 1995. Theo hiệp định này, lần lượt trong vòng 5 năm, Việt Nam sẽ tiếp nhận hết 40.000 công dân của mình. Nhưng việc thực hiện hiệp định này, ngay từ năm đầu tiên đã không đem lại kết quả như mong muốn. Thay vì phải tiếp nhận 7.500 người trong hai năm 1995 và 1996, chỉ có 67 người được đưa về Việt Nam. Cho đến cuối năm 2000, tức là thời điểm mà hiệp định chấm dứt, tổng cộng chỉ có 6.000 người được hồi hương.

Thách thức thứ hai là những trở ngại trong sự thiếu minh bạch và thủ tục nặng nề của bộ máy hành chính của Việt Nam. Các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà đầu tư, thực hiện hợp tác phát triển của CHLB Đức thường phàn nàn về tính minh bạch trong các quyết định liên quan đến đầu tư như vụ sân vận động ở Hà Nội và nhà máy xi măng ở Hải Phòng, mặc dù Đức đã đấu thầu rất tốt nhưng cuối cùng lại rơi vào tay các đối tác khác. Tệ nạn quan liêu, thủ tục hành chính nặng nề, việc phân cấp quản lý không rõ ràng của Việt Nam đã làm giảm lòng tin, gây nghi ngại cho các nhà đầu tư Đức, những người vốn coi trọng tính hiệu quả, sự chính xác và độ tin cậy cao trong quá trình làm việc.

Người Đức cũng thường than phiền rằng một số dự án nghiên cứu, những đề nghị có tính chất xây dựng, việc áp dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn nhằm thúc đẩy quá trình cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền, xây dựng xã hội dân sự, nâng cao vai trò của công đoàn... chưa được thực hiện hoặc nếu có thì rất chậm chạp. Ngoài ra, luật bản quyền cũng như luật bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam cũng bị vi phạm nghiêm trọng.

Thách thức thứ ba trong quan hệ Việt-Đức nảy sinh từ khoảng cách giữa hai nền văn hoá, giữa sự khác biệt về tính cách và tâm lý được hình thành bởi những điều kiện lịch sử - văn hoá của mỗi nước quy định. Với bề dày lịch sử chống ngoại xâm của mình, dân tộc Việt Nam có tinh thần tự lập, tự cường, khá nhạy cảm trong sự tiếp xúc với người nước ngoài. Cuộc chiến tranh lạnh mới chấm dứt vẫn còn để lại dư âm nặng nề của mối quan hệ Đông-Tây. Hơn nữa, vừa bước vào thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, việc tạo dựng một phong cách làm việc công nghiệp cũng là một thách thức đáng lưu ý đối với người Việt Nam trong việc từ bỏ những thói quen của nền sản xuất nông nghiệp nhỏ, tản mạn đã tồn tại từ lâu đời. Tuy nhiên, nhân dân Việt Nam vốn yêu chuộng hoà bình, luôn hướng về tương lai với chí tiến thủ, mong muốn hợp tác trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi. Do vậy, để vượt qua khoảng cách này, hai bên cần tăng cường trao đổi, giao tiếp ở các cấp độ khác nhau để hiểu biết nhau hơn và hợp tác có hiệu quả hơn.

Nói tóm lại, trong quan hệ song phương, CHLB Đức cần có cái nhìn đầy đủ, toàn diện hơn về Việt Nam, đánh giá một cách khách quan những thách thức và tiềm năng của đất nước này. Đó là một quốc gia phải trải qua thời gian chiến tranh tàn phá khốc liệt, bước vào khôi phục và xây dựng kinh tế từ điểm xuất phát thấp, mới bắt đầu làm quen với nền kinh tế thị trường. Nhưng khác với các nước trong khu vực, Việt Nam có nguồn nhân lực trẻ, phần lớn

sinh ra và lớn lên sau chiến tranh, là những người chăm chỉ, năng động, sáng tạo và có tinh thần cầu tiến. Nước Đức nên chú ý nhiều hơn đến đội ngũ những người đã và đang sinh sống, học tập và làm việc tại Đức, sử dụng và phát huy thế mạnh của họ trong các dự án hợp tác của Đức tại Việt Nam. Và trên thực tế, họ có khả năng phát huy có hiệu quả vai trò cầu nối trong quan hệ Việt - Đức.

Việc nhận thức đúng đắn những thách thức trong quan hệ Việt - Đức sẽ giúp hai bên có thể vững tin tiếp bước vì lợi ích của cả hai dân tộc. Ngay từ năm 1993, tức là trước khi EU thông qua Chiến lược châu Á mới, chính phủ CHLB Đức trong báo cáo về chính sách châu Á của mình, đã khẳng định lợi ích của nước Đức nằm ở khu vực này. Điều đó chứng tỏ, lợi ích của nước Đức phù hợp với chiến lược của EU, không có sự mâu thuẫn giữa lợi ích quốc gia với lợi ích khu vực và sẽ gặp nhiều thuận lợi.

Sau đây là một vài **khuyến nghị** nhằm thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Đức trong tương lai:

Vấn đề thứ nhất, thuộc lĩnh vực chính trị mà nước Đức và Việt Nam có thể hợp tác là chia sẻ những kinh nghiệm trong quá trình thống nhất đất nước và hội nhập khu vực. Cũng như nước Đức, Việt Nam đã phải trải qua bao khó khăn cho sự thống nhất đất nước vào năm 1975. Kể từ sự kiện đó, 30 năm đã trôi qua đối với Việt Nam, 15 năm đối với nước Đức, nhưng cả hai nước vẫn còn nhiều việc phải làm, tuy có khác nhau, để xây dựng một quốc gia thực sự thống nhất về mọi mặt. Cùng với quá trình thống nhất đất nước, những kinh nghiệm về sự hội nhập của Đức vào EU rất quý giá đối với Việt Nam trong quá trình hội nhập ASEAN.

Vấn đề thứ hai liên quan đến lĩnh vực kinh tế. Thông qua sự hợp tác nghiên cứu và trao đổi gần đây giữa các nhà quản lý và khoa học của CHLB Đức và Việt Nam, mô hình nền kinh tế thị trường mang tính xã hội của Đức đã thực sự gây được sự chú ý và quan tâm ở Việt Nam.[4] Mặc dù các chuyên gia Đức đã chỉ ra những hạn chế của mô hình này, nhưng xem ra nó tương đối phù hợp với điều kiện của Việt Nam vì một số lý do sau đây: Thứ nhất, mô hình này đáp ứng được yếu tố tâm lý bình đẳng phù hợp với những truyền thống của xã hội nông dân, nông nghiệp, nông thôn Việt Nam; Thứ hai, nó gần gũi với những định hướng phát triển mà chính phủ Việt Nam đang thực hiện, nhằm xây dựng Việt Nam thành một quốc gia dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh; Thứ ba, mô hình kinh tế thị trường xã hội của Đức không khắc nghiệt như mô hình kinh thế thị trường tự do của Mỹ. Cũng trong lĩnh vực kinh tế, CHLB Đức và Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa việc phổ biến mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, phù hợp với điều kiện kinh tế gia đình của Việt Nam.

Vấn đề thứ ba liên quan đến giáo dục. Những kinh nghiệm của nước Đức trong việc xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục hướng nghiệp, đào tạo nghề ngay từ bậc phổ thông thực sự đang là nhu cầu cấp bách hiện nay của Việt Nam. Hai bên nên triển khai sớm một dự án quy mô và cơ bản trong lĩnh vực giáo dục hướng nghiệp. Đồng thời cần sớm thiết lập mạng lưới những người đã từng học tập, công tác ở CHLB Đức, có sinh hoạt chuyên môn để gắn kết họ và khai thác tiềm năng của đội ngũ này.

Cuối cùng, cả hai nước Việt Nam và Đức ngoài quan hệ song phương, cần thúc

đẩy hơn nữa sự hợp tác trong các tổ chức đa phương. Thuận lợi lớn nhất là cả hai nước đều có mặt trong những diễn đàn hoặc tổ chức đa phương quan trọng như Liên hợp quốc, Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM), Diễn đàn khu vực của ASEAN (ARF)... Cả hai nên thông qua những diễn đàn này, đưa ra và ủng hộ các sáng kiến của nhau, của khu vực và thế giới vì nền hoà bình chung, vì sự hợp tác và phát triển. Việt Nam cần ủng hộ Đức trong việc tiếp cận châu Á, đặc biệt với ASEAN; còn CHLB Đức cần ủng hộ Việt Nam thâm nhập châu Âu, đặc biệt với EU.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. Troche, *Die Ostasienpolitik der Bundesrepublik in China, Taiwan und Suedvietnam 1954 -1966*, Duesseldorf, 2001
2. Auswertiges Amt, *Aussenpolitik der Bundesrepublik Deutschland-Dokumente von 1949 bis 1994*, Koeln, 1995, tr. 332
3. G. Will, *Chancen und Risiken deutscher Politik in Vietnam*, SWP-Berlin, 2001, tr. 8.
4. R. Hasse, H. Schneider và K. Weigelt, *Từ điển tường giải Kinh tế Thị trường Xã hội*, NXB Từ điển Bách khoa Hà Nội, 2004
5. Werner Hoyer, *Stand der deutsch-Vietnamesischen Beziehungen*, in: Vietnam-Info, Nr.8/97, tr.2.

VNU JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN, T.XXI, N$_0$1, 2005

VIETNAM - GERMAN RELATIONS: PAST AND PRESENT

Pham Quang Minh

Departments of International Studies

College of Social Sciences and Humanities, VNU

The main objective of this article is to analyze the relationship between Vietnam and Germany from historical perspective. Situated geographically far away from each other, Vietnam and Germany, however, have shared similarities and commons in their developments. Both of them were divided during the Cold War, and then were reunified, although in different time and ways. The background of present relationship between them was dated back on February 3rd 1950, as Democratic Republic of Vietnam (DRV) and former German Democratic Republic (GDR) established their diplomatic relations. Vietnam is the only country in East and Southeast Asia that has a biggest number of people who can speak and understand German. Despite of this fact, the relationship between Vietnam and Germany today are not meeting the capacities and desire of both sides. Based on these analyses, the article proposes some suggestions for a better cooperation between two countries.